

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 69/2021/HS-PT
Ngày 27 - 8 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Thành.

Các Thẩm phán: Ông Vũ Văn Mạnh;

Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Hiệp, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:
Bà Đỗ Thị Ánh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 79/2021/TLPT- HS ngày 14 tháng 7 năm 2021 đối với bị cáo Trần Ngọc H do có kháng cáo của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2021/HS-ST ngày 01 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

- ***Bị cáo bị kháng cáo:*** Trần Ngọc H, sinh ngày 11/02/1990; nơi cư trú: Thôn B, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Công T và bà Đặng Thị T1; có vợ là Đặng Diệu O và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại tại nơi cư trú, (có mặt).

- ***Bị hại kháng cáo:*** Bà Lưu Thị T2, sinh năm 1963.

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Ông Bùi Quang H1 (chồng bà T2), sinh năm 1959 (Theo giấy ủy quyền ngày 16/9/2020 của bà Lưu Thị T2), (có mặt).

Đều cư trú: Thôn H, xã A, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

- ***Bị cáo không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị.***

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 20 phút ngày 28/7/2020, Trần Ngọc H điều khiển xe ô tô BKS 29C – 786.86 từ nhà ra đường Quốc lộ 2C trên đường nối Quốc lộ 2C đi cầu B. Khi đi đến đoạn đường thuộc địa phận thôn H, xã A, huyện T do không chú ý quan sát, không đảm bảo khoảng cách an toàn với xe đạp đang lưu thông ở phía trước cùng chiều đi với H nên xe ô tô do Hải điều khiển đã đâm vào đuôi xe cải tiến được kéo bởi xe đạp do bà Lưu Thị T2 điều khiển đi phía trước cùng chiều. Hậu quả, bà Lưu Thị T2 bị thương tích nặng được đưa đi cấp cứu và điều trị tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Vĩnh Phúc, sau đó chuyển đến Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức Hà Nội, Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh Vĩnh Phúc để điều trị và Bệnh viện Bông quốc gia Hà Nội; xe ô tô, xe đạp và xe cải tiến hư hỏng nhẹ.

Sau khi xảy ra vụ tai nạn giao thông đường bộ, Công an huyện T cùng các cơ quan chức năng đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm phương tiện, giám định thương tích theo quy định của pháp luật.

Tại Kết luận giám định pháp y về thương tích số 408 ngày 14/9/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Vĩnh Phúc đối với bà Lưu Thị T2 đã kết luận: Đụng dập tùy cổ ngang mức C3 – C7 xếp 62%; Thoát vị đa tầng cột sống cổ xếp 34%; Gãy 1/3 dưới xương đùi trái xếp 24%; Gãy 1/3 giữa xương quay xếp 08%; Vết thương đầu ngón 01 bàn chân trái xếp 02%; Vết mổ mặt ngoài đùi trái xếp 02%; Sẹo vết thương phần mềm gò má trái xếp 03%; Vết mổ mặt trước cổ bên trái xếp 02%; Sẹo vết thương phần mềm vùng trán đỉnh bên trái xếp 01%; Vết thương phần mềm mặt mu đốt 01 bàn chân trái xếp 01%; Vết thương phần mềm 1/3 giữa mặt trước cẳng chân phải xếp 01%; Vết loét vùng chằm sau xếp 01%. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên ở thời điểm hiện tại là 85% theo nguyên tắc cộng lùi.

Sau đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T quyết định trưng cầu giám định bổ sung pháp y về thương tích số 12 ngày 03/12/2020. Tại Kết luận giám định pháp y về thương tích số 607 ngày 09/12/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Vĩnh Phúc đối với bà Lưu Thị T2 đã kết luận: Đụng dập tùy cổ ngang mức C3 – C7, liệt tứ chi mức độ nặng, đại tiểu tiện không tự chủ xếp 93%; Thoát vị đa tầng cột sống cổ xếp 34%; Gãy 1/3 dưới xương đùi trái xếp 24%; Gãy 1/3 giữa xương quay xếp 08%; Sẹo vết thương phần mềm đầu ngón 01 bàn chân trái xếp 02%; Sẹo mổ mặt ngoài đùi trái xếp 02%; Sẹo vết thương phần mềm gò má trái xếp 06%; Sẹo mổ mặt trước cổ bên trái xếp 04%; Sẹo vết thương phần mềm vùng trán đỉnh bên trái xếp 01%; Sẹo vết thương phần mềm mặt mu đốt 01 bàn chân trái xếp 01%; Sẹo vết thương phần mềm 1/3 giữa mặt trước cẳng chân phải xếp 01%; Sẹo vết thương phần mềm vùng chằm sau xếp 02%; Sẹo mổ vùng mông bên phải xếp 03%. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương

tích gây nên ở thời điểm hiện tại là 97% theo nguyên tắc cộng tại Thông tư 22/2019.

Tại Kết luận giám định số 1966 ngày 07/8/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: Không phát hiện thành phần chất ma túy trong mẫu nước tiểu của Trần Ngọc H.

Tại biên bản số 00644 của Công an huyện T được lập hồi 10 giờ 42 phút ngày 28/7/2020 về việc kiểm tra nồng độ cồn đối với Trần Ngọc H xác định nồng độ cồn là: 0,000 mg/L.

Tại Kết luận định giá tài sản số 57 ngày 03/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận: Tổng giá trị thiệt hại của xe cải tiến và xe đạp của bà T2 là 330.000đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi tai nạn xảy ra, bà T2 được đưa đi cấp cứu và điều trị tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Vĩnh Phúc, Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh Vĩnh Phúc, Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức Hà Nội, Bệnh viện Bỏng quốc gia Hà Nội. Người đại diện theo ủy quyền của bà T2 là ông Bùi Quang H1 yêu cầu Trần Ngọc H phải bồi thường cho bà T2 và gia đình số tiền về cấp cứu điều trị là 400.000.000đồng, thiệt hại của xe đạp và xe cải tiến là 330.000đồng. Ngoài ra ông Bùi Quang H1 yêu cầu Trần Ngọc H phải bồi thường về tổn thất tinh thần cho bà T2 và gia đình bà T2 theo quy định của pháp luật; tiền chi trả các chi phí đi lại, về việc thuê người chăm nuôi và chi phí chăm sóc cho bà T2 sau này.

Trong quá trình điều tra, Trần Ngọc H đã tự nguyện hỗ trợ bồi thường cho bà Lưu Thị T2 số tiền là 58.000.000đồng.

Về vật chứng: Cơ quan điều tra thu giữ 01 xe đạp nữ, 01 xe cải tiến, 01 xe ô tô BKS: 29C - 786.86, 01 giấy đăng ký xe ô tô, 01 giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc xe ô tô nói trên, 01 giấy phép lái xe ô tô hạng B2 mang tên Trần Ngọc H.

Tại cơ quan điều tra Trần Ngọc H đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2021/HS-ST ngày 01 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Trần Ngọc H phạm tội "*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*".

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 260, điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Trần Ngọc H 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 5 Điều 260 của Bộ luật hình sự năm 2015, cấm bị cáo Trần Ngọc H hành nghề lái xe ô tô trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; các Điều 584, 585, 586, 589, 590, 601 Bộ luật dân sự năm 2015; Buộc bị cáo Trần Ngọc H phải bồi thường cho bà Lưu Thị T2 tổng số tiền là 269.145.409 đồng (Hai trăm sáu mươi chín triệu, một trăm bốn mươi lăm nghìn, bốn trăm linh chín đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm quyết định về án phí, xử lý vật chứng, tuyên quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/6/2021 bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm, tăng mức hình phạt đối với bị cáo, tăng mức bồi thường thiệt hại, tiền thuê người chăm sóc bị hại từ ngày 28/7/2020 đến hết đời.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bị hại giữ nguyên nội dung kháng cáo, bổ sung nội dung buộc bị cáo bồi thường chi phí hợp lý cho người thường xuyên chăm sóc cho bà Lưu Thị T2 là 10.000.000đ/tháng cho đến khi bà T2 chết; buộc bị cáo cấp dưỡng cho bố, mẹ chồng của bị hại và mẹ đẻ của bị hại mỗi người là 2.000.000đ/ tháng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu quan điểm tại phiên tòa phúc thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm b khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, sửa bản án sơ thẩm:

- + Không chấp nhận kháng cáo về tăng hình phạt;
- + Chấp nhận kháng cáo của bị hại về việc buộc bị cáo bồi thường thêm tiền mua xe lăn 2.000.000đ và bồi thường tiền chi phí hợp lý hàng tháng cho việc nuôi dưỡng, điều trị người bị thiệt hại và chi phí hợp lý cho người thường xuyên chăm sóc người bị hại từ 2.800.000đ đến 3.000.000đ đồng)/tháng.

Bị cáo xin hưởng án treo và không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị hại

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại làm trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Qua xét hỏi và tranh luận công khai tại phiên tòa, bị cáo Trần Ngọc H đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung của bản án sơ thẩm. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị hại về thời gian, địa điểm phạm tội, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ

đồ hiện trường, biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến vụ tai nạn giao thông, kết luận giám định pháp y, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ khẳng định: Khoảng 10 giờ 20 phút ngày 28/7/2020, Trần Ngọc H điều khiển xe ô tô BKS 29C – 786.86 từ nhà ra đường Quốc lộ 2C trên đường nối giữa Quốc lộ 2C đi cầu B. Khi đi đến đoạn đường thuộc địa phận thôn H, xã A, huyện T do H không tập trung, không chú ý quan sát, không đảm bảo khoảng cách an toàn với xe đạp đang lưu thông ở phía trước, cùng chiều đi nên xe ô tô do H điều khiển đã đâm vào đuôi xe cải tiến được kéo bởi xe đạp do bà Lưu Thị T2 điều khiển đi phía trước cùng chiều. Hậu quả bà Lưu Thị T2 bị thương tích nặng được đưa đi cấp cứu và điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Vĩnh Phúc, sau đó chuyển đến Bệnh viện hữu nghị Việt Đức Hà Nội, Bệnh viện bỏng quốc gia Hà Nội và Bệnh viện phục hồi chức năng tỉnh Vĩnh Phúc điều trị. Hậu quả làm bà T2 thương tích 97%, xe ô tô, xe đạp và xe cải tiến hư hỏng nhẹ. Hành vi của Trần Ngọc H điều khiển xe ô tô không đảm bảo tốc độ và khoảng cách an toàn với xe chạy liền phía trước đã đâm vào đuôi xe cải tiến được kéo bởi xe đạp do bà Lưu Thị T2 điều khiển đi cùng chiều phía trước đã vi phạm vào khoản 1 Điều 12 Luật giao thông đường bộ; khoản 1 Điều 11 Thông tư 31/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 08 năm 2019 của Bộ giao thông vận tải Quy định về tốc độ và khoảng cách an toàn của xe cơ giới, xe máy chuyên dung tham gia giao thông đường bộ. Hành vi của H cấu thành tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm b khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự là không oan sai, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thừa nhận bị xét xử về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” là đúng pháp luật.

Trong vụ án này bị hại là bà Lưu Thị T2 khi điều khiển xe đạp kéo theo xe cải tiến cũng vi phạm khoản 1 Điều 31, điểm d khoản 3 Điều 30 Luật giao thông đường bộ. Như vậy, bà T2 cũng có một phần lỗi trong khi tham gia giao thông không tuân thủ pháp luật.

[3] Xét kháng cáo về việc tăng hình phạt đối với bị cáo thì thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, sau khi xảy ra tai nạn bị cáo đã tự nguyện bồi thường một phần tổn thất cho bị hại, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Trong vụ án này bị hại cũng có một phần lỗi do cũng vi phạm Luật giao thông đường bộ nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo H 01 năm 03 tháng tù là có căn cứ, đúng pháp luật, phù

hợp tính chất mức độ tội phạm do bị cáo gây ra. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo tăng hình phạt đối với bị cáo của bị hại. Đề nghị của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm xin hưởng án treo cũng không có cơ sở để xem xét (bị cáo không kháng cáo và bản án sơ thẩm quyết định hình phạt đối với bị cáo đã thỏa đáng). Đề nghị giữ nguyên mức hình phạt đối với bị cáo của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp cần chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo về việc tăng bồi thường của bị hại thì thấy:

Đại diện bị hại cho rằng trong 327.145.409 đồng Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định buộc bị cáo H bồi thường chưa đề cập đến các loại chi phí mà gia đình phải chi trả khi phải cấp cứu, điều trị cho bị hại tại bệnh viện cũng như phải chăm sóc hàng ngày; không đề cập đến số tiền bị hại lao động, sản xuất để có được hàng tháng, hàng năm trước khi bị tai nạn mà sau khi bị tai nạn số tiền này không có; số tiền phải thuê người hàng tháng để chăm sóc bị hại đến hết đời. Đại diện bị hại nộp bổ sung các tài liệu cùng đơn kháng cáo gồm:

- Hóa đơn bán hàng ngày 15/5/2021 mua thức ăn: 3.869.000đ
- Hóa đơn bán hàng ngày 15/6/2021 mua nước Yến, sữa,...: 4.460.000đ
- Hóa đơn bán lẻ ngày 15/12/2020 mua thuốc: 1.070.000đ
- Hóa đơn bán lẻ ngày 10/01/2021 mua thuốc: 900.000đ
- Hóa đơn bán lẻ ngày 08/02/2021 mua thuốc: 1.240.000đ
- Hóa đơn bán lẻ ngày 01/3/2021 mua thuốc: 1.340.000đ

Cộng là: 12.889.000đ

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện bị hại nộp bổ sung các hóa đơn, chứng từ thể hiện mua bán hàng hóa, thuốc, tiền công chăm sóc bị hại như sau:

- Hóa đơn bán hàng ngày 12/6/2021 mua thuốc: 2.500.000đ;
- Hóa đơn bán hàng ngày 10/6/2021 mua sữa, khăn, tắm đệm: 4.869.000đ;
- Hóa đơn bán lẻ ngày 25/7/2021 mua thuốc: 1.090.000đ;
- Hóa đơn bán lẻ ngày 23/8/2021 mua thuốc: 1.670.000đ;
- Hóa đơn bán lẻ ngày 09/6/2021 mua thuốc: 1.260.000đ;
- Hóa đơn bán lẻ ngày 16/7/2021 mua sữa, bím, nước yến: 2.070.000đ;
- Hóa đơn bán lẻ ngày 18/6/2021 mua sữa, bím, nước yến: 1.768.000đ
- Phiếu xuất kho bán xe lăn ngày 23/6/2021: 2.000.000đ;
- Giấy nhận tiền lương của bà Hoàng Thị V chăm sóc bà T2 tháng 6/2021: 7.000.000đ;

- Giấy nhận tiền lương của bà Nguyễn Thị L chăm sóc bà T2 tháng 7/2021: 7.000.000đ;

- Giấy nhận tiền lương của bà Nguyễn Thị L chăm sóc bà T2 tháng 7/2021: 7.000.000đ;

Cộng là: 38.227.000đ

Tổng cộng, sau khi xét xử sơ thẩm đại diện bị hại nộp hóa đơn, chứng từ chi phí thể hiện mua bán hàng hóa, thuốc, tiền công chăm sóc bị hại tổng cộng là: $12.889.000đ + 38.227.000đ = 51.116.000đ$ và đề nghị bị cáo phải tiếp tục bồi thường số tiền này, ngoài ra đề nghị bị cáo bồi thường tiền chi phí hợp lý hàng tháng cho việc nuôi dưỡng, điều trị bà Lưu Thị T2 và chi phí hợp lý cho người thường xuyên chăm sóc cho bà Lưu Thị T2 là 10.000.000đ/tháng cho đến khi bà T2 chết; buộc bị cáo cấp dưỡng cho bố mẹ chồng bị hại và mẹ đẻ bị hại mỗi người 2.000.000đ/ tháng (mặc dù những bố mẹ này không ở cùng bà T2).

Tại phần tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm, ông H1 chỉ đề nghị Tòa án buộc bị cáo bồi thường tiền mua xe lăn, tiền chi phí hợp lý hàng tháng cho việc nuôi dưỡng, điều trị bà Lưu Thị T2 và chi phí hợp lý cho người thường xuyên chăm sóc cho bà Lưu Thị T2 là 5.000.000đ/tháng cho đến khi bà T2 chết.

Xét, bản án sơ thẩm đã buộc bị cáo bồi thường chi phí điều trị, tiền công chăm sóc, mất thu nhập, tổn thất tinh thần cho bị hại với tổng số tiền bị cáo phải bồi thường cho bị hại là 327.145.409 đồng. Trong đó đã có chi phí chi trả thuê người chăm nuôi bị hại đến tháng 5/2021. Trong các chi phí đại diện bị hại nộp sau khi xét xử sơ thẩm cần buộc bị hại phải chịu vì trong vụ án này bị hại có lỗi khi tham gia giao thông (lỗi chính của bị cáo) và bị hại phải chịu trách nhiệm dân sự đối với một phần lỗi của mình. Tuy nhiên, việc mua xe lăn cho bị hại với số tiền 2.000.000đ là chính đáng và cần thiết cần chấp nhận. Do đó, cần buộc bị cáo bồi thường cho bị hại 327.145.409 đồng như cấp sơ thẩm đã quyết định cộng với 2.000.000đ mua xe lăn, tổng cộng là 329.145.409 đồng là phù hợp thực tế, phù hợp pháp luật. Xác nhận bị cáo đã bồi thường 58.000.000đồng, còn phải tiếp tục bồi thường số tiền là 271.145.409 đồng. Ngoài ra trong vụ án này, bị hại mất hoàn toàn sức lao động và cần có người thường xuyên chăm sóc nhưng cấp sơ thẩm chưa buộc bị cáo phải chịu chi phí hợp lý hàng tháng cho việc nuôi dưỡng, điều trị cho bị hại và chi phí hợp lý cho người thường xuyên chăm sóc cho bị hại là thiếu sót. Tại phiên tòa, đại diện bị hại thừa nhận: Từ tháng 7/2021 bà T2 được trợ cấp theo diện người khuyết tật nặng đặc biệt theo QĐ 1989 ngày 02/8/2021 của UBND huyện T 894.000đ/tháng và hộ ông Bùi Quang H1 được hỗ trợ kinh phí chăm sóc hàng tháng đối với bà T2 theo QĐ 1991 ngày 02/8/2021 UBND huyện T 447.000đ/tháng, do đó cũng trợ giúp được bị hại và gia đình bị hại một phần trong quá trình chăm sóc bị hại nên đây cũng là tình tiết để xem xét, cân nhắc đối với yêu cầu kháng cáo của bị hại. Nay cần bổ sung và buộc bị cáo phải bồi thường chi phí hợp lý hàng tháng cho việc nuôi dưỡng, điều trị cho bị hại và chi phí hợp lý cho người thường xuyên chăm sóc cho bị hại 5.000.000đ/tháng đến khi bị hại chết là phù hợp thực tế, phù hợp lỗi các bên gây ra. Do đó, cần

sửa bản án sơ thẩm theo phân tích nêu trên. Các chi phí khác và các nội dung kháng cáo khác của bị hại không hợp lý nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải bồi thường tăng thêm nên án phí dân sự trong vụ án hình sự bị cáo phải chịu là 271.145.409 đồng $\times 5\% = 13.557.000\text{đ}$.

[7] Về án phí phúc thẩm: Bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm b khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại. Sửa bản án sơ thẩm số 38/2020/HS-ST ngày 01 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T tỉnh Vĩnh Phúc về phần trách nhiệm dân sự.

2. Về hình phạt chính: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017, xử phạt bị cáo Trần Ngọc H 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 5 Điều 260 của của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017, cấm bị cáo Trần Ngọc H hành nghề lái xe ô tô trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

4. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; các Điều 584, 585, 586, 589, 590, khoản 1 Điều 593, Điều 601 Bộ luật dân sự năm 2015:

- Buộc bị cáo Trần Ngọc H phải bồi thường cho bà Lưu Thị T2 chi phí điều trị, mất thu nhập, tổn thất tinh thần, tiền công chăm sóc...do sức khỏe bị tổn hại là 329.145.409 đồng (Ba trăm hai mươi chín triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn bốn trăm linh chín đồng), xác nhận đã bồi thường 58.000.000đồng (năm mươi tám triệu đồng), còn phải tiếp tục bồi thường số tiền là 271.145.409 đồng (Hai trăm bảy mươi một triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn bốn trăm linh chín đồng).

- Buộc bị cáo Trần Ngọc H bồi thường tiền chi phí hợp lý hàng tháng cho việc nuôi dưỡng, điều trị bà Lưu Thị T2 và chi phí hợp lý cho người thường xuyên chăm sóc cho bà Lưu Thị T2 là 5.000.000đ (năm triệu đồng)/tháng kể từ tháng 6/2021 đến khi bà Lưu Thị T2 chết.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không thanh toán đủ khoản tiền

nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Về án phí dân sự trong vụ án hình sự sơ thẩm: Bị cáo Trần Ngọc H phải nộp 13.557.000đ (mười ba triệu năm trăm năm mươi bảy nghìn đồng).

- Về án phí phúc thẩm: Bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện T;
- VKSND huyện T;
- Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Bị cáo, đại diện bị hại;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Vĩnh Thành

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Mạnh Nguyễn Thị Thu Hà

Nguyễn Vĩnh Thành